

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

- Tên Chương trình : **Biên – Phiên dịch Tiếng Nhật**
- Trình độ đào tạo : **Đại học**
- Ngành đào tạo : **Tiếng Nhật**
- Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

(Ban hành theo Quyết định số: 811 / QĐ-ĐHM ngày 21 tháng 9 năm 2009 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mở TPHCM)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Mục tiêu chung:

– Đào tạo cử nhân Tiếng Nhật có kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa-xã hội, kinh tế Nhật Bản..., có kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt để có thể làm việc hiệu quả trong những lĩnh vực có sử dụng tiếng Nhật, các công ty, nhà máy.... đáp ứng yêu cầu xã hội và nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

– Sinh viên tốt nghiệp cử nhân ngành Biên-Phiên dịch tiếng Nhật làm công tác biên-phiên dịch tại các cơ quan ngoại giao, công ty liên doanh về giao dịch thương mại, các công ty du lịch, các nhà hàng khách sạn về kỹ năng văn phòng.

– Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự nghiên cứu và theo học các chương trình thạc sỹ tiếng Nhật trong nước và quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

– Chương trình đào tạo nhằm cung cấp kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội Nhật Bản để ứng dụng trong công tác chuyên môn và hội nhập xã hội.

–Ngành tiếng Nhật lấy chất lượng làm đầu, đào tạo đầy đủ các kỹ năng Nghe-nói-đọc-viết, đặc biệt là kỹ năng Nghe-nói. Trong quá trình học, sinh viên được tiếp xúc với những giáo trình giảng dạy phong phú, có cơ hội vui chơi mang tính học thuật thông qua các hoạt động như: câu lạc bộ tiếng Nhật, thi hùng biện, giao lưu với các nhóm dịch...,được rèn luyện phẩm chất đạo đức, kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học để tự hoàn thiện và khả năng hội nhập xã hội cao.

– Về kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng thực hành, sinh viên được rèn luyện liên tục để nâng cao kỹ năng ứng dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, thông thạo các kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực văn phòng, du lịch ... Với đội ngũ giảng viên giỏi có kinh nghiệm giảng dạy và làm công tác biên-phiên dịch đến từ các trường đại học, sinh viên sẽ được học và nâng cao kỹ năng thực hành tiếng, kiến thức về ngôn ngữ, kiến thức tổng quát về kỹ năng biên - phiên dịch.

– Ngoài ra, sinh viên cũng được trang bị thêm các kiến thức cơ bản về: kinh tế, xã hội, văn hóa-phong tục, văn học Nhật Bản... bằng tiếng Nhật. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được chọn học thêm một trong các ngoại ngữ Anh/ Pháp/Hoa/ Tây Ban Nha ở trình độ căn bản, giao tiếp để bổ trợ thêm cho công việc sau khi ra trường.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Chương trình đào tạo Cử nhân Đại học thực hiện trong 8 học kỳ

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 140 TC (không bao gồm Giáo dục thể chất & Giáo dục quốc phòng)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Ứng viên có bằng tốt nghiệp Phổ thông trung học hoặc tương đương

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo qui chế học vụ theo hệ thống tín chỉ bậc Đại học, Cao đẳng hệ chính quy của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (Ban hành theo **Quyết định số 759/QĐ-ĐHM ngày 9 tháng 9 năm 2009 của Hiệu trưởng ĐH Mở Tp.HCM**).

Sinh viên tốt nghiệp sau khi hoàn thành 140 tín chỉ.

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (tên gọi và khối lượng các học phần)

STT	MÔN HỌC	SỐ TC			GHI CHÚ	
		LT	TH	Cộng		
<u>7.1 KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG:</u>		35	2	37		
<u>7.1.1 Lý luận Mác-Lê Nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh:</u>		10		10		
1	1	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác – Lênin		5	5	
2	2	Đường lối Cách mạng của Đảng CS Việt Nam		3	3	
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	
<u>7.1.2 Khoa học xã hội và nhân văn:</u>		6		6		
<u>Môn bắt buộc</u>		2		2		
4	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2	
<u>Môn Tự chọn: Chọn 2 trong 4</u>		4		4		
5	2	Tiếng Việt thực hành		2	2	
6	3	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2	2	
7	4	Cơ sở ngôn ngữ học (Dẫn luận ngôn ngữ học)		2	2	
8	5	Ngôn ngữ học đối chiếu		2	2	
<u>7.1.3 Ngoại ngữ hai: (Chọn 1 trong 5)</u>		15		15		
9	1	Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5		15	15	
10	2	Tiếng Hoa 1, 2, 3, 4, 5		15	15	
11	3	Tiếng Pháp 1, 2, 3, 4, 5		15	15	
12	4	Tiếng Tây Ban Nha 1, 2, 3, 4, 5		15	15	

13	5	Tiếng Hàn 1, 2, 3, 4, 5	15		15	
<u>7.1.4 Tin học:</u>			4	2	6	
14	1	Tin học đại cương	2	1	3	
15	2	Tin học chuyên ngành	2	1	3	
<u>7.1.5 Giáo dục thể chất:</u>			5		5	
16	1	Giáo dục thể chất 1	2		2	
17	2	Giáo dục thể chất 2	3		3	
<u>7.1.6 Giáo dục quốc phòng</u>			7		7	
18	1	Giáo dục quốc phòng	7		7	
<u>7.2 KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGÀNH:</u>			103		103	
<u>7.2.1 Kiến thức ngành Tiếng Nhật:</u>			79		79	
A. Khối kiến thức tiếng:			63		63	
19	1	Tiếng Nhật tổng hợp I	4		4	
20	2	Tiếng Nhật tổng hợp II	4		4	
21	3	Tiếng Nhật tổng hợp III	4		4	
22	4	Tiếng Nhật tổng hợp IV	4		4	
23	5	Tiếng Nhật tổng hợp V	3		3	
24	6	Kỹ năng Nghe hiểu I	2		2	
25	7	Kỹ năng Nghe hiểu II	2		2	
26	8	Kỹ năng Nghe hiểu III	2		2	
27	9	Kỹ năng Nghe hiểu IV	2		2	
28	10	Kỹ năng Nghe hiểu V	2		2	
29	11	Nghe hiểu nâng cao I	2		2	
30	12	Nghe hiểu nâng cao II	2		2	
31	13	Kỹ năng Nói I	2		2	
32	14	Kỹ năng Nói II	2		2	
33	15	Kỹ năng Nói III	2		2	
34	16	Kỹ năng Nói IV	2		2	

35	17	Kỹ năng Nói V	2		2	
36	18	Nói nâng cao I	2		2	
37	19	Nói nâng cao II	2		2	
38	20	Kỹ năng đọc hiểu I	2		2	
39	21	Kỹ năng đọc hiểu II	2		2	
40	22	Kỹ năng đọc hiểu III	2		2	
41	23	Kỹ năng đọc hiểu IV	2		2	
42	24	Kỹ năng Viết I	2		2	
43	25	Kỹ năng Viết II	2		2	
44	26	Kỹ năng Viết III	2		2	
45	27	Kỹ năng Viết IV	2		2	
B. Khối kiến thức ngôn ngữ và lý luận ngôn ngữ			12		12	
46	1	Ngữ pháp học tiếng Nhật I	4		4	
47	2	Ngữ pháp học tiếng Nhật II	4		4	
48	3	Từ vựng học tiếng Nhật	2		2	
49	4	Lý thuyết dịch	2		2	
C. Khối kiến thức văn hóa – văn học			4		4	
50	1	Văn hóa- phong tục Nhật Bản	2		2	
51	2	Văn học Nhật Bản	2		2	
<u>7.2.2 Kiến thức chuyên ngành:</u>					10	
<u>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:</u>			8		8	
52	1	Biên dịch thương mại	2		2	
53	2	Phiên dịch thương mại	2		2	
54	3	Biên dịch du lịch	2		2	
55	4	Phiên dịch du lịch	2		2	
<u>Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn 1 môn)</u>			2		2	
56	1	Dịch truyện tiếng Nhật	2		2	
57	2	Tiếng Nhật dùng trong IT	2		2	

<u>7.2.3 Kiến thức bổ trợ:</u>				4	
<u>Kiến thức bổ trợ bắt buộc</u>			2	2	
58	1	Nghị vụ văn phòng	2	2	
<u>Kiến thức bổ trợ tự chọn: (chọn 1 môn)</u>			2	2	
59	1	Tiếng Nhật dùng trong nhà hàng, khách sạn	2	2	
60	2	Khẩu ngữ trong tiếng Nhật	2	2	
61	3	Kính ngữ trong tiếng Nhật	2	2	
62	4	Địa lý Nhật Bản	2	2	
63	5	Lịch sử Nhật Bản	2	2	
<u>7.2.4 Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận:</u>				10	
64	1	Thực tập nghề nghiệp	3	3	
65	2	Khóa luận tốt nghiệp <i>hoặc</i> hoàn tất các môn thay thế sau: - 1 môn trong phần kiến thức chuyên ngành tự chọn - 3 môn trong phần kiến thức bổ trợ tự chọn	7	7	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Phân bổ các môn học theo từng học kỳ)

STT	TÊN MÔN HỌC	SỐ ĐVHT			MÔN HỌC TRƯỚC	MÔN TIÊN QUYẾT
		LT	TH	TC		
Học kỳ thứ nhất		12	1	13		
1	Tiếng Nhật tổng hợp I	4		4		
2	Kỹ năng Nghe hiểu I	2		2		
3	Kỹ năng Nói I	2		2		
4	Tin học đại cương	2	1	3		

5	Khoa học xã hội và nhân văn (tự chọn 1)	2		2		
6	Giáo dục thể chất 1	2		2	Không cộng vào số TC	
Học kỳ thứ hai		18	1	19		
1	Tiếng Nhật tổng hợp II	4		4		Tổng hợp I
2	Kỹ năng Nghe hiểu II	2		2		Nghe hiểu I
3	Kỹ năng Nói II	2		2		Nói I
4	Tin học chuyên ngành	2	1	3	TH đại cương	
5	Những NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin	5		5		
6	Ngoại ngữ hai 1	3		3		
7	Giáo dục thể chất 2	3		3	Không cộng vào số TC	
8	Giáo dục quốc phòng	7		7	Không cộng vào số TC	
Học kỳ thứ ba		17		17		
1	Tiếng Nhật tổng hợp III	4		4		Tổng hợp II
2	Kỹ năng Nghe hiểu III	2		2		Nghe hiểu II
3	Kỹ năng Nói III	2		2		Nói II
4	Kỹ năng viết I	2		2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin	
6	Khoa học xã hội và nhân văn (tự chọn 2)	2		2		
7	Ngoại ngữ hai 2	3		3		

Học kỳ thứ tư		22		22		
1	Tiếng Nhật tổng hợp IV	4		4		Tổng hợp III
2	Kỹ năng Nghe hiểu IV	2		2		Nghe hiểu III
3	Kỹ năng Nói IV	2		2		Nói III
4	Kỹ năng Đọc I	2		2		Tổng hợp III
5	Kỹ năng Viết II	2		2	Viết I	nt
6	Từ vựng học tiếng Nhật	2		2		nt
7	Lý thuyết dịch	2		2		nt
8	Đường lối Cách mạng của ĐCS Việt Nam	3		3	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM	
9	Ngoại ngữ hai 3	3		3		
Học kỳ thứ năm		22		22		
1	Tiếng Nhật tổng hợp V	3		3		Tổng hợp IV
2	Kỹ năng Nghe hiểu V	2		2		Nghe hiểu IV
3	Kỹ năng Nói V	2		2		Nói IV
4	Kỹ năng Đọc II	2		2		Đọc I
5	Kỹ năng Viết III	2		2	Viết II	Tổng hợp IV
6	Văn hóa- phong tục Nhật Bản	2		2		Nt
7	Văn học Nhật Bản	2		2		
8	Nghiệp vụ văn phòng	2		2		Lý thuyết dịch
9	Phương pháp nghiên cứu khoa	2		2		

	học				
10	Ngoại ngữ hai 4	3		3	
Học kỳ thứ sáu		23		23	
1	Ngữ pháp học Tiếng Nhật I	4		4	Tổng hợp V
2	Nghe nâng cao I	2		2	Nghe hiểu V
3	Nói nâng cao I	2		2	Nói V
4	Kỹ năng Đọc hiểu III	2		2	Đọc hiểu II
5	Kỹ năng Viết IV	2		2	Viết III Tổng hợp V
6	Môn bổ trợ tự chọn (Môn thay thế cho Khóa luận TN)	2		2	
7	Môn bổ trợ tự chọn (Môn thay thế cho Khóa luận TN)	2		2	
8	Biên dịch Thương mại	2		2	NV văn phòng Lý thuyết dịch
9	Phiên dịch Thương mại	2		2	nt nt
10	Ngoại ngữ hai 5	3		3	
Học kỳ thứ bảy		22		22	
1	Ngữ pháp học Tiếng Nhật II	4		4	NP học I
2	Nghe nâng cao II	2		2	Nghe nâng cao I
3	Nói nâng cao II	2		2	Nói nâng cao I
4	Kỹ năng Đọc hiểu IV	2		2	Đọc hiểu III
5	Môn bổ trợ tự chọn	2		2	
6	Môn bổ trợ tự chọn (Môn thay thế cho Khóa luận TN)	2		2	Lý thuyết dịch NP học I
7	Biên dịch Du lịch	2		2	Lý thuyết dịch NP học I
8	Phiên dịch Du lịch	2		2	nt

9	Môn chuyên ngành tự chọn	2		2		nt
10	Môn chuyên ngành tự chọn (Môn thay thế cho Khóa luận TN)	2		2		
Học kỳ thứ tám		10		10		
1	Thực tập tốt nghiệp	3		3		
2	Khóa luận tốt nghiệp	7		7		

9. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH

CÁC MÔN HỌC LÝ LUẬN MÁC – LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

9.1 Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin (5tc)

Môn học trước: không

Môn tiên quyết: không

Áp dụng theo QĐ số Quyết định số 52 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;

- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;

- Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

9.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh (2tc)

Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

Môn tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

Áp dụng theo QĐ số Quyết định số 52 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Cùng với môn học *Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin* tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.
- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

9.3 Đường lối Cách mạng của Đảng CS Việt Nam (3tc)

Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin

Môn tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

Áp dụng theo QĐ số *Quyết định số 52 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.
- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

CÁC MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

9.4 Cơ sở ngôn ngữ (2tc)

Môn học trước: *không*

Môn tiên quyết: *không*

Cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất của ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, giữa ngôn ngữ và tư duy; cung cấp những tri thức chung về ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng để hiểu một ngôn ngữ cụ thể (tiếng Việt hoặc ngoại ngữ đang học), để đối chiếu ngôn ngữ.

9.5 Cơ sở văn hóa Việt Nam (2tc)

Môn học trước: *không*

Môn tiên quyết: *không*

Trình bày về văn hóa học và các đặc trưng, các quy luật của văn hóa Việt Nam qua các thời kì lịch sử. Mục tiêu môn học giúp sinh viên hiểu rõ những tập tục truyền thống của từng dân tộc, các kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam ứng dụng vào thực tiễn công tác sau khi tốt nghiệp.

9.6 Tiếng Việt thực hành

(2tc)

Môn học trước: *không*

Môn tiên quyết: *không*

Củng cố và phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng mẹ đẻ ở mức độ cao (kỹ năng ghi chép bài giảng, bài nói, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng tổng thuật qua nghe hoặc đọc văn bản...). Môn học này cung cấp những tri thức cơ bản và hiện đại về tiếng Việt làm cơ sở để đối chiếu ngôn ngữ

9.7 Ngôn ngữ học đối chiếu

(2 tc)

Môn học trước: *không*

Môn tiên quyết: *không*

Cung cấp cho sinh viên công cụ về mặt lý thuyết để so sánh đối chiếu tiếng mẹ đẻ với một ngoại ngữ nhằm hiểu sâu hơn cả 2 ngôn ngữ, cung cấp các thao tác cụ thể được sử dụng trong quá trình so sánh đối chiếu ngôn ngữ.

9.9 Phương pháp nghiên cứu khoa học

(2 tc)

Môn học trước: *không*

Môn tiên quyết: *không*

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, chủ yếu mang tính lý thuyết liên quan đến các khái niệm, mục tiêu và kỹ thuật nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt trong lĩnh vực ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy tiếng nước ngoài. Môn học này giúp sinh viên làm quen với các công cụ, kỹ thuật nghiên cứu, các giai đoạn của từng loại hình nghiên cứu khác nhau; đồng thời cũng hình thành

và phát triển ở sinh viên khả năng hiểu và phân tích đánh giá một công trình nghiên cứu cụ thể

NGOẠI NGỮ II

9.10 Tiếng Anh 1, 2, 3, 4, 5 (15tc)

Chương trình Tiếng Anh nhằm trang bị cho sinh viên vốn từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp cơ bản và cần thiết trong giao tiếp bằng ngoại ngữ thứ 2. Trên cơ sở đó sinh viên có thể nghiên cứu sâu hơn để phục vụ cho công tác chuyên môn.

9.11 Tiếng Hoa 1, 2, 3, 4, 5 (15tc)

Chương trình Tiếng Hoa cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về phiên âm La-tinh, chữ Hán, làm quen các dạng câu, từ vựng cần học, đồng thời người học cũng được học ngữ pháp tiếng Hoa – một nội dung quan trọng suốt quá trình cho học phần này.

9.12 Tiếng Pháp 1, 2, 3, 4, 5 (15tc)

Chương trình Tiếng Pháp cung cấp cho sinh viên các từ ngữ sử dụng trong lớp học, các từ thông thường về các vật dụng xung quanh, về thân thể người ta, về thời tiết... Kiến thức ngữ pháp cơ bản giúp sinh viên có thể viết được những câu thông thường. Như thế khi kết thúc khóa học, sinh viên có thể vận dụng các mẫu câu và từ ngữ có được để phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về sau này. sinh viên được luyện khả năng đọc hiểu, sử dụng thành thạo những mẫu câu giao tiếp trong đời sống hằng ngày... ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

9.13 Tiếng Tây Ban Nha 1, 2, 3, 4, 5 (15tc)

Chương trình tiếng Tây Ban Nha cung cấp kiến thức cơ bản giúp cho sinh viên tiếp cận với ngôn ngữ được hơn 400 triệu người sử dụng trên toàn thế giới. Trong quá trình học, sinh viên được rèn chủ yếu 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Sau khi kết thúc, sinh viên có khả năng giao tiếp căn bản bằng tiếng Tây Ban Nha cũng như có vốn từ vựng và ngữ pháp chắc chắn.

9.14 Tiếng Hàn 1, 2, 3, 4, 5 (15tc)

Cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Hàn trình độ sơ cấp nhằm phục vụ hữu hiệu cho các loại công tác chuyên môn, việc làm có liên quan đến ngôn ngữ này sau khi tốt nghiệp.

TIN HỌC

9.15 Tin học đại cương (3tc: 2LT + 1TH)

Môn học trước: *không*

Môn tiên quyết: *không*

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tin học, giới thiệu sơ lược về máy tính, hệ điều hành, Internet, hướng dẫn sử dụng cơ bản một số phần mềm ứng dụng văn phòng (soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính,...) để có thể soạn thảo các công văn, văn bản, hợp đồng, tài liệu... bằng tiếng Việt, dùng bảng tính thực hiện các tính toán cơ bản, vẽ đồ thị.

9.16 Tin học chuyên ngành (3tc: 2LT + 1TH)

Môn học trước: *không*

Môn tiên quyết: *không*

Giới thiệu khái niệm cơ sở dữ liệu quan hệ, hướng dẫn tổ chức, quản lý dữ liệu cá nhân, dữ liệu đơn vị công tác nhằm phục vụ cho việc khai thác, xử lý thông tin, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của cá nhân, của đơn vị công tác. Phần mềm sử dụng: Microsoft Access của hãng Microsoft.

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC TIẾNG

9.17 Tiếng Nhật tổng hợp I

(4tc)

Môn tiên quyết: *Không*

Môn học trước: *Không*

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sơ đẳng ban đầu của tiếng Nhật, do đó các nội dung giảng dạy cơ bản là dạy phát âm, dạy chữ Hiragana, Katakana, Romaji. Các bài khoá dùng để giảng dạy được lựa chọn trong giáo trình sơ cấp. Nội dung của từng bài bao gồm giới thiệu ngữ pháp mới và từ mới, luyện tập cơ bản và luyện tập ứng dụng, luyện đọc và viết chữ Hán mới. Học phần giúp sinh viên

nắm vững cách phát âm cơ bản, đặc biệt là âm dài, âm ngắn, âm ngắt, âm đục, nắm chắc 4 loại ký tự dùng trong tiếng Nhật: chữ Hán, chữ Katakana, chữ Hiragana, chữ Romaji và viết đúng, đẹp các loại chữ này, đồng thời rèn luyện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ sơ cấp I. Học phần cung cấp cho sinh viên 200 chữ Hán, 1000 từ vựng.

9.18 Tiếng Nhật tổng hợp II (4tc)

Môn học trước: *Thực hành tiếng Nhật tổng hợp I*

Môn tiên quyết: *Thực hành tiếng Nhật tổng hợp I*

Nội dung giảng dạy của học phần này là các bài khoá được lựa chọn trong các giáo trình sơ cấp. Nội dung các bài giảng bao gồm giới thiệu ngữ pháp mới và từ mới, luyện tập cơ bản, luyện tập ứng dụng, luyện tập cách đọc và cách viết chữ Hán mới. Học phần tiếp tục cung cấp các kiến thức ngôn ngữ tiếng Nhật cơ bản ở trình độ sơ cấp, cung cấp thêm khoảng 300 chữ Hán và 1500 từ vựng.

9.19 Tiếng Nhật tổng hợp III (4tc)

Môn học trước: *Tiếng Nhật tổng hợp II*

Môn tiên quyết: *Tiếng Nhật tổng hợp II*

Nội dung giảng dạy của học phần này gồm các bài thuộc các chủ đề về gia đình, nhà trường, xã hội. Cấu trúc một bài gồm 4 phần: Phần đọc hiểu, phần hội thoại, phần từ mới, phần luyện tập. Học phần này củng cố kiến thức đã học trong phần Tiếng Nhật tổng hợp I và II, phát triển 4 kỹ năng tổng hợp nghe, nói, đọc, viết, chú trọng khả năng giao tiếp, cung cấp các kiến thức cơ bản về đất nước, con người Nhật Bản thông qua một số chủ đề chính, cung cấp thêm khoảng 2000 từ vựng và 500 chữ Hán

9.20 Tiếng Nhật tổng hợp IV (4tc)

Môn học trước: *Thực hành tiếng Nhật tổng hợp III*

Môn tiên quyết: *Thực hành tiếng Nhật tổng hợp III*

Luyện tập các kỹ năng thực hành tiếng theo một số chủ đề về văn hoá, giáo dục, chính trị, kinh tế, rèn luyện và nâng cao 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ trung cấp. Học phần này cung cấp thêm khoảng 500 chữ Hán và 2500 từ vựng, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng gắn với các kiến thức văn hoá, xã hội tổng hợp trên nhiều lĩnh

vực như kinh tế, chính trị, xã hội, đối ngoại v.v., mở rộng tầm nhìn cho sinh viên, giúp họ hiểu biết thêm về đất nước, con người Nhật Bản.

9.21 Tiếng Nhật tổng hợp V (3tc)

Môn học trước: *Tiếng Nhật tổng hợp IV*

Môn tiên quyết: *Tiếng Nhật tổng hợp IV*

Nói tiếp Tiếng Nhật tổng hợp IV nên cấu tạo các bài cũng giống như Tiếng nhật tổng hợp IV, chủ điểm các bài được nâng lên cấp độ cao hơn. Học phần này cung cấp thêm khoảng 500 chữ Hán và 2500 từ vựng, nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng gắn với các kiến thức văn hoá, xã hội...

9.22 Kỹ năng nghe hiểu I (2tc)

Môn học trước: *Không*

Môn tiên quyết: *Không*

Học phần này có mặt bằng kiến thức và kỹ năng đồng bộ với học phần Tiếng Nhật tổng hợp I, sắp xếp theo thứ tự từ dễ đến khó và được giảng dạy song song với học phần Tiếng Nhật tổng hợp I. Mỗi bài đều có phần trắc nghiệm nghe, luyện nghe và bài tập tương ứng

9.23 Kỹ năng nghe hiểu II (2tc)

Môn học trước: *Kỹ năng Nghe hiểu I và Tiếng Nhật tổng hợp I*

Môn tiên quyết: *Kỹ năng Nghe hiểu I*

Học phần này tiếp nối học phần Nghe hiểu I trong chương trình nghe hiểu Tiếng nhật sơ cấp, có mặt bằng kiến thức và kỹ năng đồng bộ với học phần Tiếng Nhật tổng hợp II, được giảng dạy song song với học phần Tiếng Nhật tổng hợp II. Đặc điểm kết cấu và nội dung như học phần kỹ năng nghe hiểu I.

9.24 Kỹ năng nghe hiểu III (2tc)

Môn học trước: *Kỹ năng Nghe hiểu II và Tiếng Nhật tổng hợp II*

Môn tiên quyết: *Kỹ năng Nghe hiểu II*

Học phần này tiếp nối học phần Nghe hiểu II trong chương trình nghe hiểu Tiếng nhật sơ cấp, có mặt bằng kiến thức và kỹ năng đồng bộ với học phần Tiếng Nhật tổng hợp III, được giảng dạy song song với học phần Tiếng Nhật tổng hợp III. So với

học phần nghe hiểu II, học phần này chú ý bồi dưỡng cho sinh viên kỹ năng nghe phân tích các loại câu dài, phức tạp làm cơ sở chuẩn bị cho chương trình nghe trung cấp.

9.25 Kỹ năng nghe hiểu IV (2tc)

Môn học trước: *Kỹ năng Nghe hiểu III và Tiếng Nhật tổng hợp III*

Môn tiên quyết: *Kỹ năng Nghe hiểu III*

Cho nghe các bài nghe xoay quanh chủ đề sinh hoạt thường ngày. Các bài nghe là những bài hội thoại thông thường, tốc độ vừa phải, không có tạp âm hay tiếng ồn, ngôn ngữ chuẩn, giọng nói rõ ràng, mạch lạc. Học phần giúp sinh viên có khả năng nghe hiểu được nội dung một bài có độ dài 150~ 200 từ, hiểu được các vấn đề trong sinh hoạt thông thường, nghe hiểu và tóm tắt được nội dung, trả lời đúng câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên.

9.26 Kỹ năng nghe hiểu V (2tc)

Môn học trước: *Kỹ năng Nghe hiểu IV và Tiếng Nhật tổng hợp IV*

Môn tiên quyết: *Kỹ năng Nghe hiểu IV*

Học phần giúp cho sinh viên nghe các bài nghe xoay quanh một số chủ đề về sinh hoạt hàng ngày. Mục tiêu cần đạt được của học phần này là sinh viên nghe được các bài có chủ đề về sinh hoạt thường ngày với độ dài khoảng 200~ 250 từ, tốc độ tự nhiên, âm chuẩn; sinh viên hiểu và có thể tóm tắt được nội dung cơ bản, trả lời đúng các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên.

9.27 Nghe hiểu nâng cao I (2tc)

Môn học trước: *Kỹ năng Nghe hiểu V và Tiếng Nhật tổng hợp V*

Môn tiên quyết: *Kỹ năng Nghe hiểu V*

Nội dung nghe của học phần này là các bản tin ngắn của đài NHK liên quan đến các vấn đề về văn hoá, xã hội. Học phần này giúp sinh viên nghe được các bản tin trên đài, nghe được một bài có độ dài khoảng 300 từ liên quan tới chủ đề đã học, tóm tắt được ý chính của vấn đề đã nghe và trả lời đúng câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên.

9.28 Nghe hiểu nâng cao II (2tc)

Môn học trước: *Nghe hiểu nâng cao I*

Môn tiên quyết: *Nghe hiểu nâng cao I*

Nội dung nghe của học phần này là các bài nghe có tính chuyên đề về các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học-kỹ thuật... Mục tiêu của học phần này là giúp sinh viên có khả năng nghe được 1 bài có độ dài khoảng 350~ 400 từ về lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học-kỹ thuật, có thể nghe hiểu được một bài diễn thuyết, các bài phát biểu tại hội thảo, hội đàm về lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội..., giúp họ khi nghe biết cách nắm được các ý chính của bài nghe, biết phân tích và phán đoán.

9.29 Kỹ năng nói I (2tc)

Môn học trước: *Không*

Môn tiên quyết: *Không*

Học phần này có mặt bằng kiến thức và kỹ năng đồng bộ với học phần Tiếng Nhật tổng hợp I, được giảng dạy song song với học phần Tiếng Nhật tổng hợp I. Các bài luyện khẩu ngữ đi sâu vào chủ điểm cuộc sống hàng ngày, hình thức luyện tập đa dạng, sát với thực tế giao tiếp.

9.30 Kỹ năng nói II (2tc)

Môn học trước: *Kỹ năng Nói I*

Môn tiên quyết: *Kỹ năng Nói I*

Học phần này tiếp nối học phần nói I, có mặt bằng kiến thức và kỹ năng đồng bộ với học phần Tiếng Nhật tổng hợp II, được giảng dạy song song với học phần Tiếng Nhật tổng hợp II. Đặc điểm và kết cấu nội dung như học phần kỹ năng Nói I.

9.31 Kỹ năng nói III (2tc)

Môn học trước: *Kỹ năng Nói II*

Môn tiên quyết: *Kỹ năng Nói II*

Học phần này tiếp nối học phần nói II, có mặt bằng kiến thức và kỹ năng đồng bộ với học phần Tiếng Nhật tổng hợp III, được giảng dạy song song với học phần Tiếng Nhật tổng hợp III. Đặc điểm và kết cấu nội dung như học phần kỹ năng Nói II.

9.32 Kỹ năng nói IV (2tc)

Môn học trước: *Kỹ năng Nói III*

Môn tiên quyết: *Kỹ năng Nói III*

Luyện tập các bài hội thoại xoay quanh chủ đề cuộc sống hàng ngày như: làm thêm, gia đình, bạn bè... Học phần này giúp sinh viên thành thạo các kỹ năng nói dưới dạng hỏi- trả lời, nắm chắc các câu đơn giản phù hợp với trình độ trung cấp I, nói đúng mẫu câu, ngắn gọn, dễ hiểu, đúng ngữ âm, ngữ điệu, đồng thời giới thiệu một số tri thức cơ bản về cuộc sống của người Nhật.

9.33 Kỹ năng nói V **(2tc)**

Môn học trước: *Kỹ năng Nói IV*

Môn tiên quyết: *Kỹ năng Nói IV*

Nội dung luyện tập thực hành nói ở học phần này gồm các chủ đề xoay quanh cuộc sống đời thường như kết bạn, các món ăn của 2 dân tộc Việt Nam và Nhật Bản... ở học phần này, sinh viên được tập trung luyện cách nói tự nhiên, đơn giản dùng trong quan hệ bạn bè. Học phần giúp sinh viên sử dụng đúng mẫu câu, nói lưu loát, trôi chảy, đúng ngữ âm, ngữ điệu, đồng thời bổ sung cho họ thêm từ và tri thức về cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người Nhật, giúp họ có khả năng trình bày được suy nghĩ, quan điểm của mình về một vấn đề nào đó trong vòng 2- 3 phút.

9.34 Nói nâng cao I **(2tc)**

Môn học trước: *Kỹ năng nói V*

Môn tiên quyết: *Kỹ năng nói V*

Nội dung luyện kỹ năng nói của học phần này là những vấn đề liên quan tới các chủ đề môi trường, ngôn ngữ, du lịch... Học phần này giúp cho sinh viên có khả năng đối thoại với người Nhật trong các tình huống giao tiếp thông thường, nắm vững được nghi thức giao tiếp, có thể phát biểu được ý kiến của mình, tỏ sự đồng tình hay phản bác, có khả năng nói trôi chảy, lưu loát, đúng ngữ âm, ngữ điệu và có thể độc thoại một cách trôi chảy trong vòng 3- 5 phút.

9.35 Nói nâng cao II **(2tc)**

Môn học trước: *Nói nâng cao I*

Môn tiên quyết: *Nói nâng cao I*

Nội dung luyện tập nói của học phần này bao gồm các vấn đề liên quan tới các công việc của công ty, trong đó có nhiều vấn đề đề cập đến cách ứng xử ở công ty,

phong tục tập quán, lễ lối làm việc của người Nhật. Đặc biệt, ở học phần này sinh viên được tập trung luyện tập cách dùng kính ngữ (từ tôn kính và khiêm nhường). Học phần giúp cho sinh viên làm quen với các công việc thực tế tại các công ty Nhật hoặc Việt Nam, thông qua tiếng Nhật để hiểu được tác phong và phong cách làm việc của người Nhật, biết cách ứng xử với người Nhật thông qua tiếng Nhật, biết cách dùng từ chuẩn xác, có chọn lọc trong các ngữ cảnh khác nhau. Bên cạnh đó, học phần này cũng giúp cho sinh viên có thể nói tiếng Nhật lưu loát, trôi chảy, đúng ngữ âm, ngữ điệu, đúng văn cảnh.

9.36 Kỹ năng đọc hiểu I

(2tc)

Môn học trước: Tiếng Nhật tổng hợp III

Môn tiên quyết: Tiếng Nhật tổng hợp III

Các bài đọc hiểu sử dụng ở học phần này bao gồm các bài văn xuôi có nội dung đơn giản, dễ hiểu xoay quanh cuộc sống thường ngày. Học phần này rèn luyện kỹ năng đọc đúng, lưu loát, trôi chảy, đúng ngữ âm, ngữ điệu, hiểu nội dung, trả lời đúng câu hỏi mà giảng viên yêu cầu. Đồng thời học phần này cũng cung cấp thêm từ vựng, cung cấp thêm mẫu câu mới và các hiện tượng ngữ pháp mới, cung cấp thêm các tri thức văn hoá, xã hội cho sinh viên.

9.37 Kỹ năng đọc hiểu II

(2tc)

Môn học trước: *Đọc hiểu I*

Môn tiên quyết: *Đọc hiểu I*

Nội dung đọc hiểu của học phần này gồm các bài văn xuôi xoay quanh các chủ đề cuộc sống thường ngày, có nội dung phong phú mang tính chuyên đề, dễ hiểu.

Mục tiêu của học phần này là rèn luyện kỹ năng đọc, giúp sinh viên đọc được những bài có độ dài khoảng 400~ 450 từ trong đó lượng từ mới không quá 3%, đọc đúng, lưu loát, trôi chảy, đúng ngữ âm, ngữ điệu. Học phần này cũng cung cấp thêm lượng từ vựng, mẫu câu mới, các hiện tượng ngữ pháp mới cũng như các tri thức về văn hoá, xã hội. Yêu cầu đối với sinh viên là hiểu nội dung, trả lời đúng câu hỏi mà giảng viên yêu cầu.

9.38 Kỹ năng đọc hiểu III

(2tc)

Môn học trước: *Đọc hiểu II*

Môn tiên quyết: *Đọc hiểu II*

Nội dung của học phần này gồm các bài đọc về các chuyên đề thuộc các lĩnh vực khác nhau, nội dung phong phú, có tính trừu tượng. Học phần này rèn luyện kỹ năng đọc những bài đọc dài liên quan tới chủ điểm đã học, lượng từ mới không quá 5%; thông qua các bài đọc, cung cấp cho sinh viên một lượng từ mới, các cấu trúc ngữ pháp mới và các tri thức về các vấn đề xã hội, kinh tế, khoa học kỹ thuật... Yêu cầu đối với sinh viên là đọc đúng, lưu loát, trôi chảy, đúng ngữ âm, ngữ điệu, hiểu nội dung, trả lời đúng câu hỏi mà giảng viên yêu cầu.

9.39 Kỹ năng đọc hiểu IV

(2tc)

Môn học trước: *Đọc hiểu III*

Môn tiên quyết: *Đọc hiểu III*

Nội dung đọc của học phần này bao gồm các bài tiểu luận của các học giả Nhật Bản viết về các chuyên ngành thuộc nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học xã hội. Những bài đọc này có nội dung phong phú, cách tư duy trừu tượng và mang tính chuyên ngành hẹp. Học phần này rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc những bài tiểu luận có độ dài 500 từ trở lên liên quan tới các chủ đề đã nêu ở trên. Ngoài số lượng từ vựng, các kiến thức mới về ngữ pháp tiếng Nhật được cung cấp trong bài đọc, học phần này còn trang bị cho sinh viên những kiến thức về kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật, môi trường...

9.40 Kỹ năng viết I

(2tc)

Môn học trước: *Tiếng Nhật tổng hợp III*

Môn tiên quyết: *Tiếng Nhật tổng hợp III*

Nội dung của học phần là luyện viết về các chủ đề xung quanh cuộc sống hàng ngày. Mục tiêu của học phần này luyện cho sinh viên cách viết đoạn văn có độ dài khoảng 100 chữ, câu văn ngắn gọn, dễ hiểu, viết đúng ngữ pháp, đúng chữ Hán.

9.41 Kỹ năng viết II

(2tc)

Môn học trước: *Viết I*

Môn tiên quyết: *Viết I*

Luyện tập viết các bài viết có nội dung xoay quanh cuộc sống hàng ngày có độ dài khoảng 250 từ. Học phần này giúp sinh viên có thể diễn đạt một cách trôi chảy và đúng ngữ pháp dưới dạng văn bản viết những vấn đề mình suy nghĩ về các chủ đề đơn giản, quen thuộc.

9.42 Kỹ năng viết III (2tc)

Môn học trước: *Viết II*

Môn tiên quyết: *Viết II*

Sinh viên được luyện tập viết các bài viết có các chủ đề xoay quanh các chủ điểm sinh hoạt, du lịch, văn hoá, phong tục, tập quán, các vấn đề về chính trị, kinh tế. Học phần này giúp sinh viên có thể viết được các bài văn theo chủ đề có độ dài khoảng 300 từ.

9.43 Kỹ năng viết IV (2tc)

Môn học trước: *Viết III*

Môn tiên quyết: *Viết III*

Nội dung chính của học phần này là luyện tập cho sinh viên cách viết đơn xin việc, lý lịch tự thuật, các văn bản có tính giao dịch, thư từ thương mại và cách viết một báo cáo, tiểu luận đơn giản. Học phần này giúp sinh viên có thể viết được một bài viết có tính chuyên luận có độ dài 500 từ trở lên, có thể viết các đơn thư xin việc, văn bản giao dịch...

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC NGÔN NGỮ VÀ LÝ LUẬN NGÔN NGỮ

9.44 Từ vựng học tiếng Nhật (2tc)

Môn học trước: *Tiếng Nhật tổng hợp III*

Môn tiên quyết: *Tiếng Nhật tổng hợp III*

Học phần giới thiệu các từ loại chính trong tiếng Nhật, đi sâu nghiên cứu từng từ loại như danh từ, động từ, tính từ đuôi “i”, tính từ đuôi “na”, trợ từ, trợ động từ... và cách dùng của các loại từ đó. Học phần giúp sinh viên nắm được một cách có hệ thống ngữ pháp, những qui luật, qui tắc về từ loại trong tiếng Nhật và có khả năng vận dụng

những kiến thức đó một cách có ý thức vào việc sử dụng tiếng Nhật trong các kỹ năng khác, đặc biệt là kỹ năng thực hành dịch.

9.45 Ngữ pháp Tiếng Nhật I (4tc)

Môn học trước: *Tiếng Nhật tổng hợp V*

Môn tiên quyết: *Tiếng Nhật tổng hợp V*

Học phần đi sâu vào các thành phần chính của câu như chủ ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, đề ngữ..., giới thiệu và phân tích các cách phân loại câu trong tiếng Nhật như phân loại theo mục đích phát ngôn, phân loại theo cấu trúc...

9.46 Ngữ pháp Tiếng Nhật II (4tc)

Môn học trước: *Ngữ pháp I*

Môn tiên quyết: *Ngữ pháp I*

Mục tiêu của học phần giúp sinh viên thông qua những cấu trúc đã học để so sánh đối chiếu với tiếng mẹ đẻ, vận dụng một cách có ý thức vào việc sử dụng tiếng Nhật, nhất là khi làm dịch thuật. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản ban đầu về cấu tạo luận tiếng Nhật, những loại câu thuộc các văn phong khác nhau trong tiếng Nhật, làm cơ sở để viết báo cáo chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

9.47 Lý thuyết dịch (2tc)

Môn học trước: *Tiếng Nhật tổng hợp III*

Môn tiên quyết: *Tiếng Nhật tổng hợp III*

Cung cấp lý luận phiên dịch giữa hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Nhật như: trong việc xử lý từ vựng, câu và phân tích câu và các cấu trúc ngữ pháp trong quá trình phiên dịch.

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC VĂN HÓA – VĂN HỌC

9.48 Văn hóa và phong tục Nhật Bản 1 (2tc)

Môn học trước: *Tiếng Nhật tổng hợp IV*

Môn tiên quyết: *Tiếng Nhật tổng hợp IV*

Học phần cung cấp cho sinh viên tri thức cơ bản về những mặt chính trong cuộc sống sinh hoạt của người Nhật (ví dụ như ăn, mặc, ở, đi lại, chi tiêu, mua sắm, lễ hội, vui chơi giải trí, học tập...

Cung cấp cho sinh viên các tri thức cơ bản về những loại hình văn hóa truyền thống (văn hóa cổ truyền) của Nhật Bản như nghệ thuật cắm hoa, Trà đạo, Sumo, kịch No, kịch Kabuki..., đồng thời cung cấp cho sinh viên đặc điểm của các loại hình văn hóa này, lịch sử phát triển, vị trí của chúng trong xã hội Nhật Bản hiện đại, giúp sinh viên hiểu được khi thưởng thức các loại hình văn hóa cổ truyền của Nhật Bản.

9.49 Văn học Nhật Bản (2tc)

Môn học trước: *Các học phần về Tiếng Nhật tổng hợp.*

Học phần giúp sinh viên nắm được một cách khái quát và có hệ thống về sự phát triển của nền văn học Nhật Bản, các đặc điểm của nền văn học Nhật Bản trong từng thời kỳ phát triển, các tác giả và tác phẩm nổi tiếng của nền văn học Nhật Bản, hiểu được đặc trưng của các thể loại văn học Nhật Bản, từ đó hiểu thêm được về văn hóa và ngôn ngữ của dân tộc Nhật Bản, đồng thời có khả năng tiếp thu các kiến thức về văn học Nhật Bản một cách sâu sắc hơn trong giai đoạn sau.

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH BIÊN – PHIÊN DỊCH

9.50 Biên – Phiên dịch Thương mại (4tc)

Môn tiên quyết: *Các học phần Tiếng Nhật tổng hợp và lý thuyết dịch*

Cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên đảm trách việc biên – phiên dịch các văn bản, tài liệu cho các hội nghị, hội thảo quốc tế, các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, các văn bản thỏa thuận và hợp đồng quốc tế liên quan đến thương mại.

9.51 Biên – Phiên dịch Du lịch (4tc)

Môn tiên quyết: *Các học phần Tiếng Nhật tổng hợp và lý thuyết dịch*

Cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên đảm trách việc biên – phiên dịch các văn bản, báo cáo, tài liệu chứa đựng thông tin liên quan đến du lịch, công nghệ nhà hàng, khách sạn, các cơ hội nghề nghiệp, các di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, thông tin và lưu trữ trong ngành du lịch.

9.52 Dịch truyện tiếng Nhật (2tc)

Môn tiên quyết: *Các học phần Tiếng Nhật tổng hợp và lý thuyết dịch*

Môn học này nhằm tiếp tục nâng cao trình độ dịch thuật cho sinh viên, giúp sinh viên làm quen với cách xử lý từ ngữ, chuyển đổi ngôn từ một cách tự nhiên từ Nhật-Việt và ngược lại. Sinh viên có thể tham gia công tác dịch thuật ở những lĩnh vực mình yêu thích ngoài chuyên ngành Biên-phiên dịch thương mại, du lịch.

9.53 Tiếng Nhật dùng trong IT (2tc)

Môn tiên quyết: *Các học phần Tiếng Nhật tổng hợp và lý thuyết dịch*

Bên cạnh việc tiếp tục nâng cao trình độ dịch thuật cho sinh viên, môn học cũng cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức, thuật ngữ chuyên ngành để sinh viên đảm trách tốt hơn, tự tin hơn trong việc biên phiên dịch đáp ứng nhu cầu xã hội.

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC BỔ TRỢ

9.54 Nghiệp vụ văn phòng (2tc)

Môn học trước: *Tiếng Nhật tổng hợp IV*

Môn tiên quyết: *Tiếng Nhật tổng hợp IV*

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ thư ký như soạn thảo các loại đơn từ, thư tín, văn bản, báo cáo...bằng tiếng Nhật, cách giao tiếp trong văn phòng, cách tiếp chuyện qua điện thoại...

9.55 Tiếng Nhật dùng trong nhà hàng, khách sạn (2tc)

Môn học trước: *Nghe - nói nâng cao I và Ngữ pháp I*

Môn tiên quyết: *Nghe - nói nâng cao I*

Ngoài vốn tiếng Nhật sinh viên đã được học, môn học này sẽ giới thiệu thêm những nguyên tắc cơ bản trong môi trường làm việc có nhiều du khách Nhật như nhà hàng Nhật, khách sạn để từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn làm việc có hiệu quả và tự tin. Trọng tâm môn học hướng tới việc cung cấp kiến thức, nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ Nghe-nói-đọc-viết thông qua những tình huống giống với thực tế.

9.56 Khẩu ngữ dùng trong tiếng Nhật (2tc)

Môn học trước: *Nghe - nói nâng cao I và Ngữ pháp I*

Môn tiên quyết: *Nghe - nói nâng cao I*

Văn viết và văn nói trong tiếng Nhật có rất nhiều điều khác biệt. Hơn nữa, trong tiếng Nhật lại có cách phân chia dùng từ cho nam và nữ. Vì vậy học phần sẽ cung cấp

cho người học một số kiến thức và cách ứng dụng về những cụm từ chỉ sử dụng trong khẩu ngữ, chỉ nam được sử dụng hay chỉ nữ mới được dùng. Môn học giúp người học có thể phân biệt ngữ pháp khẩu ngữ và văn viết để ứng dụng đúng tình huống, để cách thể hiện ngôn từ phù hợp hơn, tự nhiên hơn.

9.57 Địa lý Nhật Bản (2tc)

Môn học trước: *Ngữ pháp tiếng Nhật 1, 2*

Môn tiên quyết: *Ngữ pháp tiếng Nhật 2*

Học phần khái quát về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, dân số, dân tộc, tôn giáo. Thông qua các bài giảng giúp cho sinh viên có hiểu biết chung về đất nước, con người Nhật Bản trên cơ sở đó có thể tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức cho mình.

9.58 Lịch sử Nhật Bản (2tc)

Môn học trước: *Ngữ pháp tiếng Nhật 1,2)*

Môn tiên quyết: *Ngữ pháp tiếng Nhật 2*

Học phần khái quát về lịch sử, chế độ chính trị, văn hoá giáo dục, khoa học, kỹ thuật, phong tục tập quán, đường lối ngoại giao của Nhật Bản. Thông qua các bài giảng giúp cho sinh viên có hiểu biết chung về đất nước, con người Nhật Bản trên cơ sở đó có thể tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức cho mình.

9.60 Giáo dục thể chất (5TC)

Thực hiện theo Quyết định số: 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 09 năm 1995 và Quyết định số: 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 04 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo và các qui định của nhà trường

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải đảm bảo sức khỏe theo kết quả khám sức khỏe đầu khoá để có thể tham dự khoá học.

Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản giúp sinh viên nắm vững kỹ thuật và phương pháp tập luyện các môn thể thao theo nội dung chương trình, phát triển một cách toàn diện các tố chất thể lực, bảo vệ và tăng cường sức khỏe phòng chống bệnh tật, nâng cao khả năng học tập và lao

động phục vụ xã hội, góp phần hình thành nên những phẩm chất ý chí như lòng dũng cảm, tính tự tin, kiên trì vượt khó, ý thức tổ chức kỷ luật.

9.61 Giáo dục quốc phòng (7TC)

Thực hiện theo Quyết định số:81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược "điển biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.

- Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.

9.62 Thực tập tốt nghiệp

(3 tc)

Sinh viên tham gia hoạt động thực tế tại các văn phòng đại diện, công ty thương mại, xuất nhập khẩu trong thời gian 6 – 8 tuần. Qua đó có điều kiện thâm nhập thực tế công tác trước khi ra trường.

9.63 Khóa luận tốt nghiệp

(7 tc)

Khóa luận là một đề tài nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên hoàn thành các môn học trong chương trình đào tạo có học lực từ giỏi trở lên. Sinh viên có thể chọn đề tài phù hợp với khả năng nghiên cứu của mình, hoặc do các giáo viên hướng dẫn gợi ý.

10 DANH SÁCH GIẢNG VIÊN (dự kiến)

10.1 Giảng viên cơ hữu

STT	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HỌC VỊ	MÔN HỌC
1	Phạm Minh	Tú	12/11/1982	Cử nhân	Tiếng Nhật tổng hợp

2	Đào Thị Hồ Phương	03/09/79	Cử nhân	Tiếng Nhật tổng hợp
3	Esaki Chisato		Cử nhân	Nghe nói

10.2 Giảng viên thỉnh giảng

STT	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HỌC VỊ	MÔN HỌC
1	Phan Thị Mỹ	Loan		Tiến sỹ	Kỹ năng đọc
2	Vương Đoan	Thư		Thạc sỹ	Ngữ âm – Âm vị
3	Hồ Ngọc Thê	Hà	25/07/1980	Thạc sỹ	Hán tự
4	Lê Ngọc Minh	Tâm	05/11/1981	Cử nhân	Nghe nói
5	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/07/1982	Cử nhân	Nghe nói
6	Phạm Đức	Dũng	23/02/1969	Cử nhân	Biên dịch văn phòng
7	Huỳnh Minh	Hiền	11/06/1979	Cử nhân	Từ vựng Tiếng Nhật
8	Cao Thị Phương	Thảo	12/05/1983	Cử nhân	Tiếng Nhật tổng hợp
9	Nguyễn Thị Giao	Hương	21/04/85	Cử nhân	Nghe nói

10	Nguyễn Thị Thu Thủy	12/12/80	Cử nhân	Kỹ năng nghe hiểu
11	Nguyễn Thị Hồng Yến	15/05/79	Cử nhân	Tiếng Nhật tổng hợp

11. DANH SÁCH GIÁO TRÌNH GIẢNG DẠY (dự kiến)

STT	Tên giáo trình	Nhà xuất bản
1	Minna no nihongo shokyyu I	3A Corporation, nhóm t.giả biên soạn
2	Hyoujun mondai shuu I	3A Corporation, nhóm t.giả biên soạn
3	Shokyyu de yomeru I (Topic 25)	3A Corporation, nhóm t.giả biên soạn
4	Minna no nihongo shokyyu II	3A Corporation, nhóm t.giả biên soạn
5	Hyoujun mondai shuu II	3A Corporation, nhóm t.giả biên soạn
6	Shokyyu de yomeru I (Topic 25)	3A Corporation, nhóm t.giả biên soạn
7	Minna choukai Tasuku I	3A Corporation, nhóm t.giả biên soạn
8	Minna choukai Tasuku II	3A Corporation, nhóm t.giả biên soạn
9	Minna no nihongo shokyyu kanji I	3A Corporation, nhóm tác giả biên soạn
10	Minna no nihongo shokyyu kanji II	3A Corporation, nhóm tác giả biên soạn
11	Minna no nihongo shokyyu yasashii sakubun	3A Corporation, nhóm tác giả biên soạn
12	Tanoshiku yomou	Bonjinsha
13	New Approach Japanese	Nihongo kenkyuusha
14	Kore de daijoubu (choukai 3 kyuu)	Aruku
15	J.Bridge	Bonjinsha

16	Nihonngo kaiwa nameraka	Aruku
17	Sokudoku	Bonjinsha
18	Practice Through Role Play Conversation	Bonjinsha
19	Japanese for Hotel Staff	Bonjinsha
20	Contemporary Business Japanese	AsukuS
21	Office Japanese	Aruku
22	Writing E-mails in Japanese	The Japan Times
23	Practice Through Role Play Conversation	Bonjinsha

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

12.1 NGOẠI NGỮ PHỤ

Sinh viên có thể nộp các chứng chỉ trình độ tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Hoa và tiếng Tây Ban Nha để được miễn giảm ngoại ngữ. Sinh viên phải gửi bản sao có công chứng chậm nhất vào học kì thứ V của khóa học. Các chứng chỉ được xét miễn giảm như sau:

<i>Ngoại ngữ</i>	<i>Chứng chỉ</i>	<i>Học phần NN được miễn</i>	<i>Ghi chú</i>
Hoa	CCQG B	Tất cả các học phần Ngoại ngữ 2	
Pháp	CCQG B; CC Tiếng Pháp giai đoạn 1 do Idécaf cấp	Tất cả các học phần Ngoại ngữ 2	
Anh	CCQG B	Tất cả các học phần Ngoại ngữ 2	
Hàn	CC Tiếng Hàn sơ cấp do Viện Ngôn ngữ Hàn cấp	Tất cả các học phần Ngoại ngữ 2	
Tây Ban Nha	CC D.E.L.E sơ cấp do Viện Cervantes cấp	Tất cả các học phần Ngoại ngữ 2	

12.2 ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC NHẬN KHÓA LUẬN

Để được đăng ký khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải đạt được những điều kiện sau:

- Phải tích lũy đủ 130 tín chỉ.
- Điểm trung bình tích lũy phải từ 8.0 trở lên.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**PHỤ TRÁCH KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

TS. LÊ THỊ THANH THU

ThS. NGUYỄN THÚY NGA